

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày: 28-9 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Nga.

Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sà Phương, bà Huỳnh Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lâm Trường G**, sinh năm 1970; Nơi đăng ký HKTT: ấp TC, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Công chức. Chức vụ trước khi phạm tội: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn T, sinh năm: 1940 (c) và bà Lưu Thị L, sinh năm: 1947 (s); Anh, chị, em ruột: có 04 người (lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất là bị cáo); Vợ: Võ Thị Kiều N, sinh năm 1969 và 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Huỳnh Ly R**, sinh năm 1980; Nơi đăng ký HKTT: ấp 1, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Công chức. Chức vụ trước khi phạm tội: Phó Chủ tịch UBND xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn X, sinh năm: 1949 (s) và bà Phạm Thị T, sinh năm: 1949 (s); Anh, chị, em ruột: có 06

người (lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1984); Vợ: Trần Kim D, sinh năm 1982 và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Công chức. Chức vụ trước khi phạm tội: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch UBND xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1949 (s) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1949 (s); Anh, chị, em ruột: có 05 người (lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất bị cáo); Vợ: Võ Thị U, sinh năm 1986 và 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(các bị cáo có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Song Quỳnh M, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Lê Trúc L, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Đào Thị V, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

7. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

8. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

9. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

10. Ông Trần Văn N, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

11. Ông Lê Văn H, sinh năm 1959 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
12. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
13. Ông Quách Thanh N, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
14. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
15. Bà Nguyễn Ngọc Lan T, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
16. Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
17. Ông Lê Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
18. Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1958 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
19. Ông Lê Văn G, sinh năm 1957 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
20. Bà Lê Thu M, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
21. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
22. Ông Dương Văn M, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã V, bị cáo Lâm Trường G đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn là chủ tài khoản cùng với các bị cáo Huỳnh Ly R và Nguyễn Trọng N chiếm đoạt tiền quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng của xã V (tiền vận động của nhân dân theo Nghị định 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ) và tiền

hỗ trợ người sản xuất lúa theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ. Cụ thể:

- Đối với tiền vận động xây dựng cơ sở hạ tầng của xã V: Trong các năm 2014 đến 2016, chủ tịch UBND xã V là Lâm Trường G ký quyết định về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và chỉ tiêu thu các nguồn quỹ cho các ngành, các ấp. Trong đó giao cho Trưởng ban nhân dân các ấp trên địa bàn xã tiến hành thu theo chỉ tiêu các quỹ như quỹ xây dựng nông thôn mới (xây dựng cơ sở hạ tầng), vì người nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, khuyến học, người cao tuổi, phòng chống lụt bão, cho các hội đoàn thể, an ninh quốc phòng.

Năm 2014, các ấp đã thu đủ chỉ tiêu và giao ông Huỳnh Văn T là thủ quỹ của UBND xã giữ và quản lý tại UBND xã. Trong đó tổng số tiền thu quỹ xây dựng nông thôn mới của 07 ấp trên địa bàn UBND xã V là 155.000.000 đồng. Sau khi thu nguồn quỹ xây dựng nông thôn mới, UBND xã V chi tiền vào việc nạo vét các tuyến kênh và xây dựng các cây cầu bê tông trên địa bàn xã theo đề xuất của người dân các ấp, bị cáo Huỳnh Ly R được phân công theo dõi quá trình thực hiện. Khi kết thúc, bị cáo Huỳnh Ly R báo cáo với Lâm Trường G nguồn quỹ xây dựng nông thôn mới còn dư và thống nhất chiếm đoạt số tiền chia nhau nên bị cáo G yêu cầu thủ quỹ Huỳnh Văn T giao tiền, bị cáo G nhận và giữ lại 45.005.000 đồng, chia cho bị cáo R là 37.000.000 đồng.

Năm 2016, các ấp thu đủ chỉ tiêu và giao nộp cho bà Lê Song Quỳnh M là kế toán của UBND xã V giữ và quản lý tại UBND xã. Trong đó tổng số tiền thu quỹ xây dựng nông thôn mới là 155.000.000 đồng. Sau khi thu nguồn quỹ, UBND xã V chi tiền vào việc nạo vét các tuyến kênh và xây dựng các cây cầu bê tông trên địa bàn xã theo đề xuất của người dân, bị cáo G phân công Nguyễn Trọng N theo dõi việc nạo vét các tuyến kênh và xây dựng các công trình. Sau khi hoàn tất việc thi công, bị cáo N phát hiện không chi hết số tiền vận động nên bị cáo G và N thống nhất chiếm đoạt chia nhau tiêu xài, N nhận 20.000.000 đồng và G nhận 19.400.000 đồng.

- Đối với tiền hỗ trợ người sản xuất lúa theo Nghị định 42: Khi có chủ trương hỗ trợ người sản xuất lúa, UBND xã V thành lập tổ tiến hành thống kê số hộ dân trực tiếp canh tác đất nông nghiệp và diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã để báo cáo về UBND huyện thông qua Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện để cấp tiền về xã phát cho người dân. Bị cáo Huỳnh Ly R với vai trò là Phó Chủ tịch UBND xã V phụ trách kinh tế đã được phân công chỉ đạo tổ công tác của UBND xã đến từng ấp thống kê diện tích đất trồng lúa của người dân vào biểu mẫu kèm theo của Nghị định 42/2012/NĐ-CP với hình thức là thông qua việc người dân tự khai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục lục thống kê quản lý đất năm 1993. Sau khi thống kê, Huỳnh Ly R và Đào Thị V lập danh sách người dân được nhận hỗ trợ tiền với tổng diện tích đất là 2.018,99 ha theo mức hỗ trợ là 25.000 đồng cho 1.000m² cho 6

tháng và chuyển danh sách đến Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh Sóc Trăng để trình UBND huyện T phê duyệt gửi về UBND tỉnh Sóc Trăng.

Trong năm 2014 đến đầu năm 2015, UBND xã V đã giới thiệu bà Đào Thị V (*cán bộ địa chính nông nghiệp – xây dựng nông thôn mới*) và Lê Trúc L (*cán bộ kế toán*) nhận số tiền là 1.514.242.500 đồng từ Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T về để phát hỗ trợ cho người dân trực tiếp trồng lúa giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014, 6 tháng cuối năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015. Khi tiến hành phát tiền, Huỳnh Ly R là người giám sát, còn Đào Thị V, Lê Song Quỳnh M và Lê Trúc L là những người trực tiếp phát tiền. Sau khi phát tiền cho người dân còn một số người dân chưa nhận tiền nhưng đã đến thời hạn làm thủ tục quyết toán về Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T nên Huỳnh Ly R xin ý kiến của Lâm Trường G xử lý khoản tiền không người nhận thì bị cáo G chỉ đạo Huỳnh Ly R ký không vào danh sách người dân chưa nhận tiền để làm thủ tục quyết toán với Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T theo quy định, giữ lại tiền để tiếp tục thông báo phát. Kết thúc người dân không đến nhận còn lại tiền là 42.000.000 đồng, bị cáo G và R thống nhất chia nhau, mỗi người chiếm đoạt là 21.000.000 đồng.

Đến 2016, khi có phê duyệt chi tiền hỗ trợ người dân trực tiếp trồng lúa cho 06 tháng cuối năm 2015 thì UBND xã V đã giới thiệu Nguyễn Thị T (*cán bộ địa chính nông nghiệp – xây dựng nông thôn mới*) đến Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T nhận số tiền là 504.747.500 đồng về phát cho người dân. Giai đoạn này, bị cáo G phân công Nguyễn Trọng N giám sát và bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp phát tiền cho người dân. Kết thúc thời gian phát tiền có một số người dân chưa đến nhận và đến thời hạn làm thủ tục quyết toán nên Nguyễn Trọng N xin ý kiến và được Lâm Trường G chỉ đạo Nguyễn Trọng N và Nguyễn Thị T ký không vào danh sách nhận tiền làm thủ tục quyết toán về Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T giữ lại tiền và tiếp tục thông báo phát cho người dân đến nhận. Sau đó, xã tiếp tục phát và cuối cùng dư lại số tiền 15.830.000 đồng, do không có người đến nhận nên Lâm Trường G và Nguyễn Trọng N thống nhất chia nhau số tiền này, mỗi người chiếm đoạt là 7.915.000 đồng.

Năm 2017, Đoàn Thanh Tra UBND huyện T tiến hành Thanh Tra tại UBND xã V và khi Thanh Tra đến nguồn tiền quỹ xây dựng nông thôn mới thì Đoàn Thanh Tra yêu cầu UBND xã V nếu đã sử dụng nguồn quỹ thì phải có chứng từ. Bị cáo Nguyễn Trọng N đã thông báo cho Huỳnh Ly R, Lâm Trường G biết về việc Đoàn Thanh Tra yêu cầu kiểm tra chứng từ khi sử dụng quỹ xây dựng nông thôn mới, giai đoạn Lâm Trường G là Chủ tịch và Huỳnh Ly R là Phó Chủ tịch. Giữa các bị cáo Nguyễn Trọng N và Huỳnh Ly R liên lạc và từng người đến gặp bị cáo G cung cấp tên các tuyến kênh, khối lượng, chiều dài cho bị cáo G làm hợp đồng. Sau đó, Lâm Trường G đã nhờ Lê Song Quỳnh M (*lúc đó là kế toán*) soạn thảo hợp đồng nạo vét các tuyến kênh

và được M đồng ý, khi soạn xong các hợp đồng Lê Song Quỳnh M giao cho Lâm Trường G và bị cáo G nhờ ông Lê Văn Q cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ký tên vào phía được thuê trong các hợp đồng nạo vét các tuyến kênh trên địa bàn xã V giai đoạn năm 2014 đến năm 2016. Sau khi hoàn tất các hợp đồng, Lâm Trường G gửi Lê Song Quỳnh M mang về UBND xã V để phục vụ công tác kiểm tra. Trong lúc này Huỳnh Ly R cũng nhờ Bùi Thanh T và Hồ Văn T ký vào biên nhận tiền xây dựng cầu sử dụng tiền từ quỹ xây dựng nông thôn mới để phục vụ cho Đoàn Thanh Tra kiểm tra.

Tại kết luận thanh tra số 380/KL-UBND ngày 30/5/2017 xác định UBND xã V khi sử dụng tiền từ quỹ xây dựng nông thôn mới đã thanh toán không 02 hợp đồng là: Hợp đồng nạo vét kênh NS – NN lập năm 2014 với giá trị là 82.005.000 đồng và hợp đồng nạo vét kênh BK lập năm 2016 với giá trị 26.400.000 đồng. Về phát tiền hỗ trợ người dân trực tiếp trồng lúa của UBND xã V giai đoạn năm 2014 đến năm 2015 do Lâm Trường G, Huỳnh Ly R và Nguyễn Trọng N tự thừa nhận khi phát tiền hỗ trợ cho người dân trực tiếp trồng lúa năm 2014 đến năm 2015 do người dân không lên nhận đầy đủ theo danh sách nên đã ký không phục vụ quyết toán về Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T để chiếm đoạt tiền chưa phát là 57.830.000 đồng, bị cáo Lâm Trường G chiếm đoạt là 28.915.000 đồng, Huỳnh Ly R đã chiếm đoạt số tiền là 21.000.000 đồng và Nguyễn Trọng N chiếm đoạt số tiền là 7.915.000 đồng.

Cáo trạng số 05/CT-VKSTT ngày 08/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo về tội “Tham ô tài sản”. Đối với bị cáo Nguyễn Trọng N theo khoản 1 Điều 353, đối với bị cáo Lâm Trường G và Huỳnh Ly R theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo G thừa nhận đã cùng với bị cáo R, bị cáo N chiếm đoạt tiền xây dựng cơ sở hạ tầng của xã V năm 2014, 2016 và tiền hỗ trợ người sản xuất lúa là 179.835.000 đồng, bị cáo nhận là 93.320.000 đồng và đã nộp khắc phục, xin xem xét miễn, giảm trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo R thừa nhận đã cùng với bị cáo G chiếm đoạt tiền xây dựng cơ sở hạ tầng của xã V và tiền hỗ trợ người sản xuất lúa, được chia 58.000.000 đồng và đã khắc phục xong, xin xem xét giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Bị cáo N thừa nhận đã cùng với bị cáo G chiếm đoạt tiền xây dựng cơ sở hạ tầng của xã V và tiền hỗ trợ người sản xuất lúa, được chia 27.915.000 đồng và đã khắc phục xong, xin xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Tham ô tài sản”, bị cáo

Nguyễn Trọng N theo khoản 1 Điều 353, các bị cáo Lâm Trường G và Huỳnh Ly R theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo như: Đã khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự và trong quá trình công tác đến trước khi phạm tội có những đóng góp trong công tác được Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng; riêng bị cáo G có tình tiết giảm nhẹ là con của liệt sĩ theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Trường G mức hình phạt tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; bị cáo Huỳnh Ly R mức hình phạt tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Trọng N mức hình phạt tù 06 tháng đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt 11 người làm chứng (số thứ tự từ 11 đến 22), những người này đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo G thừa nhận cùng với bị cáo R, N chiếm đoạt tiền xây dựng cơ sở hạ tầng (tiền quỹ vận động xây dựng nông thôn mới) của xã V năm 2014, 2016 và tiền hỗ trợ người sản xuất lúa là 179.235.000 đồng. Trong đó cùng với bị cáo R chiếm đoạt trong năm 2014- 2015 là 124.000.000 đồng và cùng với bị cáo N chiếm đoạt năm 2016 là 55.230.000 đồng, bị cáo nhận là 93.320.000 đồng. Các bị cáo R, N thừa nhận có đồng ý cùng với bị cáo G chiếm đoạt tiền xây dựng cơ sở hạ tầng của xã V và tiền hỗ trợ người sản xuất lúa.

[3.1] Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau về thời gian, không gian, các tình tiết diễn biến của quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, nguyên nhân thực hiện và phù hợp lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Về tiền quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng của xã V (tiền vận động của nhân dân theo Nghị định 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ): Lời khai các bị

cáo phù hợp lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như việc lập không Hợp đồng nạo vét các tuyến kênh đã được UBND huyện T đầu tư trong năm như “Hợp đồng số 02/HĐKT, ngày 03/3/2014 về nạo vét 2 tuyến kênh nội đồng kênh NS ấp Q và kênh NN ấp M, giá trị hợp đồng là 82.005.000 đồng” và “Hợp đồng số 01/HĐKT, ngày 02/3/2016 về nạo vét 2 tuyến kênh nội đồng kênh BK ấp Q và kênh MN ấp M, giá trị hợp đồng là 55.440.000 đồng”.

Về tiền hỗ trợ người sản xuất lúa theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ: Các bị cáo khai phù hợp lời khai của bà V, bà L, bà M, bà T. Cụ thể: Năm 2014 và 06 tháng đầu năm 2016, quá trình phát tiền hỗ trợ có một bộ phận người có tên trong danh sách nhận nhưng không đến nhận và theo chỉ đạo của bị cáo G, bị cáo R ký không làm thủ tục quyết toán giữ số tiền chưa phát, số tiền này được bà V bàn giao cho bà M và bà M chuyển giao cho bị cáo G. Giai đoạn phát tiền hỗ trợ của 06 tháng cuối năm 2015, bà T là người được giao thực hiện việc nhận và phát tiền cùng với bị cáo N xác nhận khi phát tiền hỗ trợ cho người dân có một bộ phận không đến nhận, bà đã lập danh sách những người không nhận tiền và chuyển giao toàn bộ số tiền cho bị cáo N, bị cáo G thông qua bị cáo N chỉ đạo để bị cáo N và bà T ký không làm thủ tục quyết toán giữ số tiền chưa phát. Kết quả xác minh những người có tên trong danh sách nhận tiền hỗ trợ sản xuất lúa khai nhận có xuất nhập về số lần được nhận tiền hỗ trợ so với các danh sách quyết toán.

[3.2] Qua phân tích các bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mình quản lý nên đủ căn cứ xác định các bị cáo Lâm Trường G, Huỳnh Ly R và Nguyễn Trọng N phạm tội tham ô tài sản. Trong đó, bị cáo Lâm Trường G, Huỳnh Ly R chiếm đoạt số tiền trên 100.000.000 đồng nên tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự; bị cáo N chiếm đoạt số tiền dưới 100.000.000 đồng nên tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đối với các bị cáo Lâm Trường G, Huỳnh Ly R và Nguyễn Trọng N là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của các bị cáo xâm phạm đến tài sản nhà nước, lợi ích của nhân dân gây dư luận xấu trong xã hội, làm giảm uy tín của người cán bộ đồng thời ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các bị cáo biết và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình bằng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự và trong quá trình công tác đến trước khi phạm tội có thành tích xuất sắc trong công tác được Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng; đã khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và riêng bị cáo G có tình tiết giảm nhẹ là con của liệt sĩ. Vì vậy, Hội đồng xét xử lần lượt áp dụng tình tiết giảm nhẹ tương ứng như phân tích trên theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét mức hình phạt dưới khung đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Theo quy định tại Điều 86, Điều 87, Điều 105 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.000.000 đồng của bị cáo N.

- Đưa vào hồ sơ vụ án các chứng cứ đã chuyển Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị theo Quyết định số 05/QĐ-VKS ngày 08/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị (bl 3498, biên bản giao bl 3507 - 3512).

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; Điều 32; Điều 38; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lâm Trường G.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; Điều 32; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Huỳnh Ly R.

Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 32; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng N.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lâm Trường G, Huỳnh Ly R, Nguyễn Trọng N phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt:

- Bị cáo Lâm Trường G 02 năm 06 tháng tù (hai năm sáu tháng tù), thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Bị cáo Huỳnh Ly R 02 năm tù (hai năm tù), thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Bị cáo Nguyễn Trọng N 06 tháng tù (sáu tháng tù), thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã khắc phục xong, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 13.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Trọng N.

- Đưa vào hồ sơ vụ án các chứng cứ đã chuyển Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị theo Quyết định số 05/QĐ-VKS ngày 08/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị (bl 3498, biên bản giao bl 3507 - 3512), gồm:

1/ 01 (một) hợp đồng số 02/HĐKT, ngày 03/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã V và ông Lê Văn Q về việc thi công nạo vét hai tuyến kênh nội đồng kênh NS (ấp Q) và kênh NN (ấp M). 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 01/NTTL.HĐ ngày 09/3/2014. 01 (một) biên nhận ngày 09/3/2014, nội dung: Ông Lê Văn Q nhận của ông Lâm Trường G, số tiền 82.000.000 đồng nạo vét kênh 5 Sường và kênh 5 Năng.

2/ 01 (một) hợp đồng số 01/HĐKT, ngày 02/3/2015 của Ủy ban nhân dân xã V và Lê Văn Q, về việc thi công nạo vét tuyến kênh nội đồng kênh D (ấp L). 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 01/NTTL.HĐ ngày 09/3/2015. 01 (một) biên nhận ngày 09/3/2015, nội dung: Ông Lê Văn Q nhận của ông Lâm Trường G, số tiền 23.760.000 đồng từ việc nạo vét kênh D.

3/ 01 (một) hợp đồng số 02/HĐKT, ngày 12/3/2015 của Ủy ban nhân dân xã V và Lê Văn Q, về việc thi công nạo vét tuyến kênh nội đồng kênh BH và kênh BS (ấp L). 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/NTTL.HĐ ngày 19/3/2015. 01 (một) biên nhận ngày 19/3/2015, nội dung: Ông Lê Văn Q nhận của ông Lâm Trường G, số tiền 30.360.000 đồng từ việc nạo vét kênh BH và kênh BS.

4/ 01 (một) hợp đồng số 03/HĐKT, ngày 23/3/2015 của Ủy ban nhân dân xã V và Lê Văn Q, về việc thi công nạo vét tuyến kênh nội đồng kênh NT. 01 (một) Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 03/NTTL.HĐ ngày 30/3/2015. 01 (một) biên nhận ngày 30/3/2015, nội dung: Ông Lê Văn Q nhận của ông Lâm Trường G, số tiền 20.823.000 đồng từ việc nạo vét kênh NT.

5/ 01 (một) hợp đồng số 01/HĐKT, ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã V và ông Lê Văn Q về việc thi công nạo vét hai tuyến kênh nội đồng kênh BK ấp Q và kênh MN ấp M. 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 01/NTTL.HĐ ngày 09/3/2016. 01 (một) biên nhận ngày 09/3/2016, nội dung: Ông Lê Văn Q nhận

của ông Lâm Trường G, số tiền 55.440.000 đồng từ việc nạo vét kênh BK và kênh MN.

6/ 01 (một) hợp đồng số 02/HĐKT, ngày 15/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã V và ông Lê Văn Q về việc thi công nạo vét tuyến kênh nội đồng kênh L và kênh Bảy K (ấp M). 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/NTTL.HĐ ngày 22/3/2016. 01 (một) biên nhận ngày 22/3/2016, nội dung: Ông Lê Văn Q nhận của ông Lâm Trường G, số tiền 37.884.000 đồng từ việc nạo vét kênh L và kênh Bảy K.

7/ 01 (một) hợp đồng số 03/HĐKT ngày 23/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã V và Lê Văn Q, về việc thi công nạo vét hai tuyến kênh nội đồng kênh Bà Hai T và kênh Bà H (ấp L). 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/NTTL.HĐ ngày 30/3/2016. 01 (một) biên nhận ngày 30/3/2016, nội dung: Ông Lê Văn Q nhận của ông Lâm Trường G, số tiền 43.230.000 đồng từ việc nạo vét kênh Bà Hai T và kênh Bà H.

8/ 01 (một) hợp đồng số 02/HĐKT ngày 05/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã V và Võ Văn H, về việc thuê mướn đồ trụ để cột cờ bằng bê tông. 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/NTTL.HĐ ngày 25/4/2016. 01 (một) biên nhận ngày 15/4/2016, nội dung: Ông Võ Văn H nhận của ông Lâm Trường G số tiền là 12.300.000 đồng, từ việc đồ trụ để cột cờ bằng bê tông.

01 (một) biên nhận ngày 25/8/2016, nội dung: Bà Võ Thị Kiều N nhận của Ủy ban nhân dân xã số tiền là 7.000.000 đồng, tiền 280 lá cờ.

9/ 01 (một) hợp đồng số 10/HĐKT ngày 07/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã V và Võ Văn H, về mua bán cột cờ bằng tre. 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 10/NTTL.HĐ ngày 10/12/2015. 01 (một) biên nhận ngày 10/12/2015, nội dung: Ông Võ Văn H nhận của ông Lâm Trường G số tiền là 19.600.000 đồng, từ việc mua bán cột cờ bằng tre.

10/ 01 (một) hợp đồng số 09/HĐKT ngày 16/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã V và ông Võ Văn H, về việc thuê mướn đồ trụ để cột cờ bằng bê tông. 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số .../NTTL.HĐ ngày 10/12/2015. 01 (một) biên nhận ngày 25/11/2015, nội dung: Ông Võ Văn H nhận của ông Lâm Trường G số tiền là 16.800.000 đồng, từ việc đồ trụ để cột cờ bằng bê tông.

11/ 01 (một) hợp đồng số 5/HĐKT ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã V và ông Quách Thanh N, mua bán cột treo cờ. 01 (một) biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số /NTTL.HĐ ngày 25/4/2014. 01 (một) biên nhận ngày ...tháng... năm 201, nội dung: Ông Quách Thanh N nhận của ông Lâm Trường G số tiền là 36.000.000 đồng.

12/ 01 (một) biên nhận ngày 09/5/2014, nội dung: Ông Bùi Thanh T nhận của UBND xã V số tiền là 25.000.000 đồng, từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu ông Độ).

13/ 01 (một) biên nhận ngày 23/5/2014, nội dung: Ông Hồ Văn T nhận của UBND xã V số tiền là 30.000.000 đồng từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu Miếu).

14/ 01 (một) biên nhận ngày 12/11/2014, nội dung: Ông Bùi Thanh T nhận của UBND xã V số tiền là 7.000.000 đồng, từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu áp H).

15/ 01 (một) biên nhận, nội dung: Ông Quách Thanh N nhận tiền cột cờ của UBND xã V số tiền là 21.000.000 đồng.

16/ 01 (một) biên nhận ngày 09/4/2015 , nội dung: Ông Bùi Thanh T nhận của UBND xã V số tiền là 26.000.000 đồng, từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu Sáu Thắng).

17/ 01 (một) biên nhận ngày 20/4/2015, nội dung: Ông Bùi Thanh T nhận của UBND xã V số tiền là 22.000.000 đồng, từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu Cựa Gà).

18/ 01 (một) biên nhận ngày 10/5/2015 , nội dung: Ông Trần Thanh T nhận của UBND xã V số tiền là 7.800.000 đồng, từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu áp L).

19/ 01 (một) biên nhận ngày 11/5/2015 , nội dung: Ông Bùi Thanh T nhận của UBND xã V số tiền là 25.000.000 đồng, từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu NN).

20/ 01 (một) biên nhận ngày 25/5/2015, nội dung: Ông Bùi Thanh T nhận của UBND xã V số tiền là 25.000.000 đồng, từ việc xây dựng cầu nông thôn (cầu Tám T).

21/ 01 (một) biên nhận ngày 05/3/2016, nội dung: Ông Lâm Trường G nhận của Lê Song Quỳnh M – kế toán số tiền là 50.000.000 đồng.

22/ 01 (một) biên nhận ngày 25/3/2016, nội dung: Ông Huỳnh Văn T nhận của Lê Song Quỳnh M số tiền là 10.000.000 đồng, tiền xây dựng cầu áp L.

23/ 01 (một) biên nhận ngày 20/4/2016, nội dung: Ông Võ Văn H nhận số tiền là 7.500.000 đồng, tiền công và vật tư đổ trụ cột cờ.

24/ 01 (một) biên nhận ngày 10/5/2016, nội dung: Ông Trần Thanh T nhận của Ủy ban nhân dân xã V số tiền là 18.500.000 đồng, từ việc xây dựng cầu L.

25/ 01 (một) biên nhận ngày 20/5/2016 (bản photo), nội dung: Ông Huỳnh Văn T thủ quỹ có nhận của UBND xã V (Lê Song Quỳnh M giao) số tiền là 18.500.000 đồng, nhận tiền từ quỹ vận động nhân dân.

26/ 01 (một) biên nhận ngày 31/5/2016, nội dung: Ông Lâm Trường G nhận của Lê Song Quỳnh M số tiền là 137.200.000 đồng, dùng quỹ vận động trả tiền nạo vét kênh cho các ấp.

27/ 01 (một) biên nhận ngày 04/3/2016, nội dung: Bà Lê Song Quỳnh M nhận của Trần Văn M (ấp M) số tiền 34.386.000 đồng, lý do thu các nguồn quỹ năm 2016.

28/ 01 (một) biên nhận ngày 05/3/2016, nội dung: Bà Lê Song Quỳnh M nhận của Bùi Văn B số tiền là 40.476.000 đồng, lý do thu các nguồn quỹ năm 2016.

29/ 01 (một) biên nhận ngày 05/3/2016, nội dung: Bà Lê Song Quỳnh M nhận của Dương Văn M số tiền là 31.404.000 đồng, lý do thu các nguồn quỹ năm 2016.

30/ 01 (một) biên nhận ngày 17/3/2016, nội dung: Bà Lê Song Quỳnh M nhận của Huỳnh T số tiền là 39.682.000 đồng, lý do thu các nguồn quỹ năm 2016.

31/ 01 (một) biên nhận ngày 22/3/2016, nội dung: Bà Lê Song Quỳnh M nhận của Nguyễn Văn L số tiền là 41.072.000 đồng, lý do thu các nguồn quỹ năm 2016.

32/ 01 (một) biên nhận ngày 22/3/2016, nội dung: Bà Lê Song Quỳnh M nhận của Trần Thanh V số tiền là 33.882.000 đồng, lý do thu các nguồn quỹ năm 2016.

33/ 01 (một) biên bản về việc xin ý kiến sử dụng vốn vận động năm 2016 tại Ban nhân dân ấp M, xã V ngày 15/4/2016.

34/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp L, xã V ngày 26/02/2016.

35/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp L, xã V ngày 19/4/2016.

36/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp H, xã V ngày 22/01/2016. (bản photo)

37/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp 1, xã V ngày 18/01/2016. (bản photo)

38/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp T, xã V ngày 01/3/2016.

39/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp 1, xã V ngày 24/4/2015.

40/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp L, xã V ngày 26/6/2015.

41/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp T, xã V ngày 16/4/2015.

42/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp H, xã V ngày 09/4/2014.

43/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp 1, xã V năm 2014.

44/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp T, xã V ngày 15/3/2014.

45/ 01 (một) biên bản họp dân tại ấp L, xã V năm 2014.

46/ 01 (một) quyển tập có bìa bên ngoài bằng giấy cứng có kích thước 17x25cm, bìa giấy có nhiều màu sắc hình ảnh có dòng chữ “Tập của tôi” và dòng chữ viết “Chi hoạt động” bằng mực màu xanh, có 32 trang được viết nhiều chữ số và ký hiệu.

47/ 01 (một) quyển tập có bìa bên ngoài bằng giấy cứng có kích thước 17x25cm, bìa giấy có nhiều màu sắc hình ảnh có dòng chữ “Monokuro Boo”, có 30 trang được viết nhiều chữ số và ký hiệu.

48/ 01 (một) quyển tập có bìa bên ngoài bằng giấy cứng có kích thước 20,5x15,5cm, bìa giấy có nhiều màu sắc hình ảnh có dòng chữ “Thế giới nước”, có 14 trang được viết nhiều chữ, số, ký hiệu và có một trang giấy ghi dòng chữ lớn “Sổ thu các nguồn quỹ”.

49/ 01 (một) quyển tập giấy loại giấy A4 đã được bấm ghim dính vào nhau gồm

20 (Hai mươi) trang giấy đã cũ, không còn nguyên vẹn, bên trên các trang giấy viết nhiều chữ, số, ký hiệu được đóng dấu giáp lai màu đỏ ở giữa, ở các trang giấy.

50/ 01 (một) cuốn sổ đã cũ, có kích thước 21x29,7cm, bìa màu xanh có dòng chữ “UBND xã V – ban vận động ấp H”, gồm 12 trang luân bìa và 07 trang được viết nhiều chữ, số, ký hiệu và được đóng dấu giáp lai, màu đỏ.

51/ 01 (một) cuốn sổ đã cũ, có kích thước 21x29,7cm, bìa màu trắng có in dòng chữ “sổ thu các nguồn quỹ ấp T năm 2016” màu đen, gồm 14 và có 05 (năm) trang được viết nhiều chữ, số và ký hiệu.

52/ 01 (một) cuốn sổ đã cũ, bị rách nhiều nơi có kích thước 21x29,7cm, bìa màu xanh có dòng chữ “UBND xã V – Ban vận động ấp Q” phía trên, gồm 26 trang luân bìa và có 21 trang được viết nhiều chữ, số, ký hiệu có đóng dấu giáp lai màu đỏ.

53/ 01 (một) cuốn sổ đã cũ, có kích thước 21x29,7cm, bìa màu xanh, phía trên bìa có các dòng chữ đã bị mờ và có số 2016, gồm 14 trang luân bìa và có 04 trang được viết nhiều chữ, số và ký hiệu.

54/ 01 (một) cuốn sổ đã cũ, bị rách nhiều nơi có kích thước 21x29,7cm, bìa màu xanh có dòng chữ “UBND xã V – ban vận động ấp T” phía trên, gồm 24 trang luân bìa và có 20 trang được viết nhiều chữ, số, ký hiệu có đóng dấu giáp lai, màu đỏ ở giữa.

55/ 01 (một) cuốn sổ đã cũ, bị rách có kích thước 21x29,7cm, bìa màu xanh có dòng chữ đã bị mờ, gồm 12 trang luân bìa và có 04 (bốn) trang được viết nhiều chữ, số, ký hiệu.

56/ 01 (một) cuốn sổ đã cũ, bị rách nhiều nơi có kích thước 21x29,7cm, bìa màu xanh có dòng chữ “UBND xã V – ban vận động ấp 1” phía trên, gồm 16 trang luân bìa và có 11 trang được viết nhiều chữ, số và ký hiệu, có đóng dấu giáp lai màu đỏ.

57/ Hồ sơ thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người sản xuất lúa 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Phiếu chi ngày 26/11/2014 của phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T; Giấy đề nghị thanh toán ngày 19/11/2014 của UBND xã V, người đề nghị Đào Thị V; Danh sách ký nhận của người được hỗ trợ (26 trang).

58/ Hồ sơ thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người sản xuất lúa 6 tháng cuối năm 2014, gồm: Giấy đề nghị thanh toán ngày 20/5/2014 của UBND xã V, người đề nghị Đào Thị V; Danh sách ký nhận của người được hỗ trợ (26 trang).

59/ Hồ sơ thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người sản xuất lúa 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Giấy đề nghị thanh toán ngày 20/5/2014 của UBND xã V, người đề nghị Đào Thị V; Danh sách ký nhận của người được hỗ trợ (26 trang).

60/ Hồ sơ thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người sản xuất lúa 6 tháng cuối năm 2015, gồm: Giấy đề nghị thanh toán ngày 24/02/2016 của UBND xã V, người đề nghị Nguyễn Thị T; Danh sách ký nhận của người được hỗ trợ (26 trang).

4. Về án phí:

- Buộc các bị cáo Lâm Trường G, Huỳnh Ly R, Nguyễn Trọng N mỗi người phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát ND huyện Thạnh Trị;
- Công an huyện Thạnh Trị;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Bị cáo;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai